

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-ST

Ngày: 23 - 6 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng và
hợp đồng thế chấp tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Tám.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2023/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H; địa chỉ trụ sở Số B B, đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Phạm Quốc T; địa chỉ làm việc Số B B, đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H - Vắng mặt).

2. Ông Huỳnh Hoàng N, sinh năm 1978; địa chỉ làm việc Số A, đường P, Khóm A, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 2181/2021/QĐ-TGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2021 - Vắng mặt).

3. Anh Lê Anh T1, sinh năm 1991; địa chỉ làm việc Số B, đường P, Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện của nguyên đơn theo ủy quyền lại của ông Huỳnh Hoàng N (Văn bản ủy quyền số 44/2023/UQ-HDB ngày 13 tháng 02 năm 2023 - Có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1969; địa chỉ ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện ngày 24 tháng 02 năm 2023, ngày 17 tháng 3 năm 2023 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H và trong quá trình xét xử, anh Lê Anh T1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/5/2020, Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H (gọi tắt là Ngân hàng P) cùng với ông Nguyễn Văn N1 (Theo Giấy xác nhận số 64/UBND-XNTTHN ngày 13/5/2020 của Ủy ban nhân dân xã M về tình trạng hôn nhân: Chưa đăng ký kết hôn với ai) ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0079/20PGDTBi/HĐTD (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng hạn mức); Biên bản thỏa thuận giá trị tài sản bảo đảm; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0044/20PGDTBi/HĐBĐ được Văn phòng công chứng Tạ Thị T2 chứng nhận giao dịch thế chấp, số công chứng: 05389, quyển số: 02/TP/CC-SCC/HĐGD (gọi tắt là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất); Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, số thứ tự: 685, quyển số: 01 (gọi tắt là Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất) với nội dung:

- Ngân hàng P đồng ý cấp hạn mức tín dụng cho ông N1 vay không vượt quá số tiền 250.000.000 đồng; thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 36 tháng, kể từ ngày 21/5/2022 đến ngày 21/5/2023; mục đích sử dụng vốn bổ sung vốn chăn nuôi bò, trồng bưởi; thỏa thuận lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả lãi 10%/năm, cách tính lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả lãi, lãi suất quá hạn; đối với số tiền từng lần cho vay trong hạn mức, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, mức phí áp dụng, phương thức giải ngân, trả nợ vay sẽ được quy định cụ thể trong từng giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ; ngoài ra các bên còn thỏa thuận về các khoản phí cấp tín dụng, phí trả nợ trước hạn, những trường hợp bên cho vay có quyền chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ khi bên vay vi phạm.

- Tài sản bảo đảm nghĩa vụ các khoản nợ phải trả theo Hợp đồng tín dụng hạn mức đã ký là quyền sử dụng đất đứng tên ông N1 trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân huyện T cấp, tổng giá trị tài sản bảo đảm là 372.000.000 đồng. Bao gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 259, diện 1.622,3 m², loại đất trồng cây lâu năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phát hành số: BR 234323, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH08391 ngày 17/4/2014, có giá trị 115.000.000 đồng; quyền sử dụng đất tại thửa đất số 31, diện 4.277,4 m², loại đất chuyên trồng lúa nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phát hành số: BR 234322, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH08390 ngày

17/4/2014, có giá trị 257.000.000 đồng. Các thửa đất cùng tờ bản đồ số 13, địa chỉ ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Trên cơ sở Hợp đồng tín dụng hạn mức đã ký, ngày 26/5/2021 Ngân hàng P cùng với ông N1 ký kết giấy Đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ số 0079/20PGDTBi/HĐTD/KUNN02 (gọi tắt là Giấy đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ) với nội dung: Ngân hàng Phát triển đồng ý cho ông N1 vay số tiền 250.000.000 đồng giải ngân bằng tiền mặt; thời hạn vay 12 tháng từ ngày 27/5/2021 đến ngày 26/5/2022; mục đích bổ sung vốn chăn nuôi thanh toán chi phí mua, nuôi bò, trồng bưởi; lãi suất cho vay trong hạn 11,5%/tháng cố định trong thời hạn 03 tháng đầu kể từ ngày bên vay nhận tiền vay, sau đó lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm thông thường có loại tiền tương ứng với loại tiền vay, kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ loại 1 do Ngân hàng P công bố hoặc niêm yết tại thời điểm xác định lãi suất hoặc trong trường hợp tại thời điểm xác định lãi ngân hàng không huy động tiền gửi kỳ hạn 13 tháng thì sẽ được thay thế bằng lãi suất tiền gửi có kỳ hạn ngắn hơn với tính chất tương tự, liên kế với kỳ hạn 13 tháng nêu trên, cộng biên độ lãi 4,5%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu tại thời điểm điều chỉnh lãi suất; phương thức trả nợ lãi 03 tháng 01 lần vào ngày 20 của tháng, trả nợ gốc một lần khi đến hạn; miễn phí trả nợ trước hạn.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng hạn mức và Giấy đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ đã ký: Ngày 26/5/2021, Ngân hàng P giải ngân cho ông N1 nhận số tiền 250.000.000 đồng. Từ ngày nhận tiền vay cho đến ngày đáo hạn hợp đồng, Ngân hàng có điều chỉnh lãi suất cho vay theo quy định trong hợp đồng, ông N1 thực hiện nghĩa vụ trả lãi vay đầy đủ không phát sinh lãi chậm trả lãi. Tuy nhiên, qua kiểm tra Ngân hàng P phát hiện ông N1 sử dụng vốn vay không đúng mục đích, dùng tiền trả nợ bên ngoài, vi phạm điều khoản quy định của hợp đồng. Nên Ngân hàng Phát triển không chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn, yêu cầu ông N1 có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc đến hạn, nhưng ông N1 không thực hiện. Do đó, ngày 27/5/2021 Ngân hàng Phát triển tiến hành nghiệp vụ tính lãi quá hạn theo quy định của hợp đồng, khấu trừ số tiền 213.274 đồng ông N1 thanh toán dư nợ lãi trong hạn tại thời điểm đáo hạn vào nợ gốc số tiền 91.534 đồng, nợ lãi chậm trả lãi số tiền 2.048 đồng và nợ lãi quá hạn số tiền 119.692 đồng. Sau đó, Ngân hàng Phát triển nhiều lần làm việc yêu cầu ông N1 trả nợ, nhưng ông N1 khác hẹn, trốn tránh. Tính đến ngày 23/6/2023, ông N1 nợ Ngân hàng Phát triển tổng cộng số tiền 296.810.465 đồng (Trong đó: nợ gốc 249.908.466 đồng, nợ lãi quá hạn 46.901.999 đồng).

Nay, Ngân hàng P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông N1 phải có nhiệm trả cho Ngân hàng P số tiền 296.810.465 đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng tính đã ký kể từ ngày 24/6/2023 cho đến khi trả xong dư nợ gốc số tiền 249.908.466 đồng.

- Trường hợp ông N1 không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì buộc ông N1 phải có trách nhiệm giao số tài sản thế chấp nêu trên cho Ngân

hàng Phát triển có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý kê biên, phát mãi tài sản để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn N1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông N1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản thuộc loại vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về thủ tục xét xử: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông N1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông N1 theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Xét việc thỏa thuận xác lập, thực hiện quan hệ tín dụng cho vay số tiền 250.000.000 đồng, có đảm bảo khoản tiền vay bằng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất giữa Ngân hàng Phát triển với ông N1 trên cơ sở ký kết: Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cùng ngày 21/5/2020, Giấy đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ ngày 26/5/2021 là đúng trình tự, thủ tục về hoạt động cho vay, thế chấp tài sản, đăng ký tài sản thế chấp bảo đảm nghĩa vụ, thỏa thuận lãi suất và mức lãi suất chậm trả áp dụng khi cho vay được quy định tại khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 94, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; các điều 4, 10, 12, 13, 14, 15, 18, 23, 25, 30, 31 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N2 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; khoản 2 Điều 292, khoản 1 và khoản 2 Điều 293, các điều 298, 317, 318 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 3 Điều 167, điểm g khoản 1 Điều 179, khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai; các điểm a, b khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 5, Điều 39, Điều 48, khoản 1 Điều 69 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

điểm c khoản 1 Điều 4, Điều 5, khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 16, Điều 19 Thông tư liên tịch số: 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23/6/2016 của Bộ Tư pháp và Bộ T3 hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

[2] Ông N1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc khi đến hạn, không được Ngân hàng Phát triển cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Việc Ngân hàng P chuyển nợ quá hạn, khấu trừ dư nợ, tính lãi quá hạn khởi kiện yêu cầu ông N1 trả nợ tính đến ngày 23/6/2023 số tiền 296.810.465 đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp tín dụng tính kể từ ngày 24/6/2023 cho đến khi trả xong dư nợ gốc số tiền 249.908.466 đồng; yêu cầu ông N1 giao tài sản bảo đảm cho ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý kê biên, phát mãi tài sản để thu hồi nợ trong trường hợp không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ là đúng quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 299, Điều 301 Bộ luật Dân sự; điểm c khoản 4 Điều 13, Điều 20, khoản 2 Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN. Trường hợp ông N1 trả được toàn bộ số nợ thì Ngân hàng Phát triển có trách nhiệm hoàn trả lại tài sản và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thế chấp cho ông N1.

[3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng như nhận định tại các mốc đơn mục [1], [2] “*Về tố tụng*” và các mốc đơn [1], [2] “*Về nội dung*”, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- ***Về án phí dân sự sơ thẩm:*** Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án giải quyết, ông N1 phải nộp án phí tính tròn số tiền 14.840.523 đồng, hoàn trả cho Ngân hàng P được nhận lại số tiền 6.951.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 299, Điều 301 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm c khoản 4 Điều 13, Điều 20, khoản 2 Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N2 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H.

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn N1 phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H số tiền 296.810.465 (Hai trăm chín mươi sáu triệu tám trăm mười nghìn bốn trăm sáu mươi lăm) đồng.

1.2. Buộc ông Nguyễn Văn N1 phải có trách nhiệm tiếp tục trả lãi quá hạn cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0079/20PGDTBi/HĐTD đã ký ngày 21 tháng 5 năm 2020 và giấy Đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ số 0079/20PGDTBi/HĐTD/KUNN02 đã ký ngày 26 tháng 5 năm 2021. Thời điểm trả lãi tiếp theo được tính kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 cho đến khi ông N1 trả xong dư nợ gốc số tiền 249.908.466 (Hai trăm bốn mươi chín triệu chín trăm lẻ tám nghìn bốn trăm sáu mươi sáu) đồng.

1.3. Trường hợp ông Nguyễn Văn N1 không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ. Buộc ông N1 phải có trách nhiệm giao các tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0044/20PGDTBi/HĐBĐ đã ký ngày 21 tháng 5 năm 2020 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý kê biên, phát mãi tài sản để thu hồi nợ gồm:

1.3.1. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 259, tờ bản đồ số 13, diện 1.622,3 m², loại đất trồng cây lâu năm, địa chỉ ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phát hành số: BR 234323, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH08391 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 17 tháng 4 năm 2014 đứng tên ông Nguyễn Văn N1.

1.3.2. Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 13, diện 4.277,4 m², loại đất chuyên trồng lúa nước, địa chỉ ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phát hành số: BR 234322, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH08390 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 17 tháng 4 năm 2014 đứng tên ông Nguyễn Văn N1.

1.4. Trường hợp ông Nguyễn Văn N1 trả được toàn bộ số nợ. Buộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H có trách nhiệm hoàn trả lại các tài sản và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên cho ông N1.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc ông Nguyễn Văn N1 phải nộp án phí số tiền 14.840.523 (Mười bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn năm trăm hai mươi ba) đồng.

2.2. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H được nhận lại số tiền 6.951.000 (Sáu triệu chín trăm năm mươi một nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N_o 0011341 ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt anh Lê Anh T1 là người đại diện theo ủy quyền (không có quyền kháng cáo) của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H. Vắng mặt ông Phạm Quốc T là người đại diện theo pháp luật, ông Huỳnh Hoàng Nghĩa l người đại diện theo ủy quyền (có quyền kháng cáo) của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H, ông Nguyễn Văn N1. Báo cho ông T, ông N biết có quyền đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần S kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với ông N1 thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ĐD. NĐ + BĐ: 04;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Minh Tân